

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2017 – 2018
(Kèm theo Quyết định số 30 /QĐ-PTDTNT ngày 01 / 8 /2017)

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Chức vụ, kiêm nhiệm	Giảng dạy	Ghi chú
1.	Phạm Thị Huệ	Công nghệ	H. trưởng	CN 9B(1); HN 9 (1)	2t/tuần
2.	Tạ Quang Sỹ	Toán	P. HT	Toán 10 (3+2)	5t/tuần
3.	Hà Thị Dung	Tiếng Anh	P. HT	Tiếng Anh 9(4)	4t/tuần
4.	Nguyễn Thị Hà	Toán-Lí	CT CĐ (3)	Toán 9A,B(8); Vật lí 6A,B(2); Vật lí 7A,B(2)	15t/tuần
5.	Hồ Suýt Khênh	Toán-Lí	GVCN 8A	Toán 8A,B(8); Sinh 7A,B(4)	16t/tuần
6.	Bùi Thị Yến	Toán-Lí	GVCN 7B	Toán 7A,B(8); CN 7A,B(3)	15t/tuần
7.	Hà Thị Minh	Toán-Lí	GVCN 6A	Toán 6A,B(8); CN 6 A,B(4)	16t/tuần
8.	Phạm Thị Nguyệt	Văn –Sử	GVCN 8B	Văn 8A,B(8); Sử 7A,B(4);	16t/tuần
9.	Phạm Hồng Thúy	Văn –TV	Tổ trưởng(3)	Văn 9A,B(10); GDCD 9A,B(2)	15t/tuần
10.	Trần Thị Trang	Văn-Địa	GVCN 7A	Văn 7A,B(8); Địa 7A,B(4)	16t/tuần
11.	Bùi Thị Thu	Văn –TV	GVCN 6B	Văn 6A,B(8); Sử 6A,B(2)	14t/tuần
12.	Phạm Tiến Dũng	Lí-CN	Tổ trưởng(3)	Lí 8A,B(2); Lí 9A,B(4); CN 8A,B(3); CN 9A (1); CN 10(1,5)	14,5t/tuần
13.	Hà Văn Giáp	Thể dục	TPT Đội	TD 6B,10(4); GDQP-AN 10(1)	5t/tuần
14.	Lê Thị Tuyết	Văn- Sử	BT Đoàn(9)	Sử 8A,B(3); Sử 9A,B(3)	15t/tuần
15.	Hà Thị Dung	Sinh-Hóa	GVCN 9B	Sinh 8A,B(4);Sinh 9A,B(4);Hóa 9A,B(4)	16t/tuần
16.	Trịnh Bình Thìn	Tiếng Anh	Lao động (3)	Anh 7A(3); Anh 8A,B(6); GDCD 8A,B (2)	14t/tuần
17.	Ngân Thị Hữu	Tiếng Anh	GVCN10	Anh 6A, B(6); Anh 7B(3)	13t/tuần
18.	Vũ Văn Tuấn	Âm nhạc	Văn nghệ (3)	Nhạc Khối 6,7,8(6); GDCD 6A,B(2); Sinh 6A,B(4)	15t/tuần
19.	Hà Công Vĩnh	Mĩ thuật	PBT Đoàn(6)	Họa Khối 6,7,8,9(8); GDCD 7A,B(2)	16t/tuần
20.	Phạm Triều Đình	Thể dục	Thể thao (3)	Thể dục 6A; Thể dục Khối 7,8,9	17t/tuần
21.	Nguyễn Thị Anh	Hóa-Địa	GVCN 9A	Địa 6A,B(2); Địa 8A,B(3); Địa 9A,B(3); Hóa 8A,B(4)	16t/tuần
22.	Ngân Văn Toàn	Tin học		Tin học khối 6,7,8,9,10 (18)	18t/tuần
23.	Dương Việt Hồng			Đi học	

